TAND HUYỆN VĂN BÀN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HS-ST
Ngày 16/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Chuân.
2. Bà Vũ Thị Hồng Hải.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 05/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1986 tại huyện T, tỉnh B; Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh B ; nơi ở: Bản L, xã B, huyện B, tỉnh L; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Nhân thân: Bản án số 10/2012/HSST ngày 12/03/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS; Điều 227 BLTTHS xử phạt 14 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; Bản án số 58/2013/ HSST ngày 31/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 5 Điều 60; Điều 33; Điều 51 BLHS xử phạt 5 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Tổng hợp hình phạt với bản án số 10/2012/HSST ngày 12/03/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 06 năm 02 tháng tù. Đến ngày 21/9/2017 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương. Hiện đã được xóa án tích.

Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/01/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bàn. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Quách Hữu V**, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1981 tại huyện C, tỉnh B; Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thị trấn B, huyện C, tỉnh B; nơi ở: Thôn M, thị trấn N, huyện V, tỉnh B;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 43/2013/HSST ngày 19/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt Quách Hữu V 7 năm tù "Mua bán trái phép chất ma túy". Phạt tiền 5.000.000đ, truy thu 200.000đ, án phí HSST 200.000đ. Đến ngày 25/7/2018 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương và thi hành án dân sự được 750.000 đồng, chưa thi hành án 4.650.000 đồng tiền phạt. Hiện chưa được xóa án tích.

Con ông Quách Nam S, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1953; bị cáo chưa có vợ, con. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/01/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bàn. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: + Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh L – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Vũ Thế K, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố số xx, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Hoàng Trung N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Xã N, huyện H, tỉnh B - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Nông Thị X, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh L – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 01/01/2023 khi Nguyễn Văn T đang ở phòng trọ của chị Nông Thị X, sinh năm 1992, ở Bản L, xã B, huyện B do cần tiền tiêu sài nên đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô để đem bán, T gọi điện thoại rủ Quách Hữu V cùng tham gia, hứa hẹn mỗi lần trộm cắp được sẽ chia cho V 2.000.000 đồng. Sau đó T đã dùng máy mài các thanh kim loại thành 01 bộ vam phá khóa xe máy. Khoảng hơn 00 giờ ngày 02/01/2023, T tháo biển kiểm soát của xe mô tô BKS 30X9 – 7691, nhãn hiệu YAMAHA, mầu sơn: Trắng - Đen cất vào cốp và điều khiển xe mang theo bộ vam phá khóa, một chiếc cờ lê 10 đón V tại nút giao IC 16 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi vào khu vực thị trấn K, huyện V. Khoảng 01 giờ cùng ngày khi đi qua trước cửa hàng bán đồ nội thất của anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992, ở thôn N, xã L thì T nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Exciter, BKS: 24B3 - 059.53 để ở sân. T dừng xe ở ven đường, bảo V cảnh giới để T vào lấy trộm. T đi vào dắt xe ra ngoài đường và dùng vam phá khóa phá ổ khóa điện điều khiển chiếc xe trộm cắp được đi trước về hướng xã B, V điều khiển xe theo sau. Trên đường đi, T dừng xe ở một đoạn đường vắng rồi dùng cờ lê mang theo tháo biển kiểm soát của chiếc xe vừa trộm cắp được và vứt đi. Sau đó, T và V tiếp tục điều khiển xe đi đến cầu B, T bảo V đứng đợi còn T tiếp tục điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được đi đến phòng trọ của

chị X cất giấu xe. Sau đó T nhờ anh Phạm Minh T, sinh năm 1986 ở cùng khu trọ chở T quay lại gặp V, T tiếp tục điều khiển chiếc xe Sirius chở V quay lại thị trấn K. Khi đi qua trước nhà anh Vũ Thế K, sinh năm 1984, ở Tổ dân phố số xx, thị trấn K, T nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, AirBlade; BKS: 24V1 – 052.89 dựng ở trên vỉa hè nên đã dừng lại và bảo V ngồi trên xe đợi để T vào lấy trộm. T đi đến vị trí chiếc xe và dùng vam chọc vào ổ khóa điện vặn mạnh nhiều lần. Tuy nhiên khi vặn chiếc vam bị cong không tiếp tục phá ổ khóa được nên T đã quay lại chỗ V nói "không lấy được, đi thôi". Sau đó, T điều khiển xe chở V đi về hướng xã B. Khi về đến cầu B, T bảo V ở đó đợi rồi đi về phòng trọ của chị X cất xe và điều khiển chiếc xe mô tô đã trộm cắp tại xã L quay lại đưa V đến nhà nghỉ Cây Sấu tại xã T để nghỉ ngơi. Chiều ngày 02/01/2023, T quay lại chở V ra đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai đón xe khách đi về tỉnh B trước. T đi một chiếc xe khách khác và mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter trộm cắp được về tỉnh B để bán. Khi đến huyện H, tỉnh B, T điều khiển xe vào quán hát của anh Hoàng Trung N, sinh năm 1991, ở xã N, huyện H để hát. T phải thanh toán số tiền hát là 1.400.000đ cho anh N, nhưng do không có tiền nên đã để lại chiếc xe trộm cắp làm tin và hẹn khi nào có tiền sẽ trả tiền hát và lấy lại xe. Đến ngày 07/01/2023, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết không thể trốn tránh V và T đã ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. V giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu bạc; 01 Căn cước công dân mang tên Quách Hữu V. T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7, màu đen; 01 vam phá khóa gồm: 01 ống bằng kim loại, màu bạc đường kích ống 1,2cm và 01 thanh kim loại hình ngũ giác, dài 22cm, đường kính 1cm một đầu được được mài dẹt, một đầu được bẻ cong vuông góc với thân thanh kim loại; 01 Căn cước công dân của Nguyễn Văn T.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với chị Nông Thị X, anh Phạm Minh T, anh Hoàng Trung N. Chị X đã giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn Trắng-Đen, BKS: 30X9 – 7691; 01 máy mài có thân vỏ màu xanh; 01 khẩu súng bằng kim loại, màu trắng, phần tay cầm có gắn nhựa màu đen. Anh Phạm Minh T giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125I, màu sơn Đen, BKS: 14X1 – 389.48. Anh Hoàng Trung N giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xám-xanh-đen, không có biển kiểm soát.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 25/KL-ĐGTS ngày 10/01/2023 của Hội đồng ĐGTS trong tố tụng hình sự huyện Văn Bàn kết luận: xe môtô nhãn hiệu Yamaha Exciter 2NDC, màu sơn xám-xanh-đen, BKS: 24B3 – 095.53, số máy: G3D4E1115040 trị giá 41.400.000 đồng; xe môtô nhãn hiệu Honda Airblde, màu sơn đỏ-trắng-đen, BKS: 24V1 – 052.89 trị giá 25.200.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 02/KL-GĐSĐ ngày 17/01/2023 của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận khẩu súng bằng kim loại màu trắng, phần tay cầm có gắn nhựa màu đen: Là loại súng ngắn kiểu ổ quay, không rõ nguồn gốc, xuất sứ, thuộc nhóm đồ chơi nguy hiểm bị cấm, không phải vũ khí quân dụng.

Bản cáo trạng số: 24 /CT-VKS-VB ngày 19/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Quách Hữu V về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Quách Hữu V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án tóm tắt nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: * Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Quách Hữu V phạm tội "Trộm cắp tài sản ".

* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: + Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 57 Điều 17, 58 Bộ luật hình sự**:** Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: Từ 2 năm 6 tháng tù đến 3 năm tù.

+ Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 57; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự**:** Xử phạt bị cáo Quách Hữu V: Từ 2 năm 3 tháng đến 2 năm 9 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không.

***** Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: - Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 máy mài có thân vỏ màu xanh, trên thân có ghi chữ "BOSSH", máy cũ đã qua sử dụng, trên thân vỏ có nhiều vết mài xước. Thân máy được nối với 01 dây cắm điện màu đen. 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7, màu đen, số Imei1: 352808092377480; Imei2: 352808092377488; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu bạc, số Imei 358563079409160, máy cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 vam phá khóa gồm: 01 ống bằng kim loại, màu bạc có chiều dài 19cm, đường kích ống 1,2cm và 01 thanh kim loại hình ngũ giác, dài 22cm, đường kính 1cm. Một đầu được được mài dẹt, một đầu được bẻ cong vuông góc với thân thanh kim loại.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho người có QLNVLQ anh Hoàng Trung N số tiền 1.750.000 đồng.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn T , Quách Hữu V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 02/01/2023 các bị cáo Nguyễn Văn T, Quách Hữu V đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đó là: 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha Exciter 2NDC, màu sơn xám-xanh-đen, BKS: 24B3 – 095.53, số máy: G3D4E1115040 trị giá 41.400.000 đồng của anh Nguyễn Văn D và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblde, màu sơn đỏ-trắng-đen, BKS: 24V1 – 052.89 trị giá 25.200.000 đồng của anh Vũ Thế K. Tổng trị giá tài sản các bị cáo đã trộm cắp là 66.600.000 đồng.

Vì vậy, Bản cáo trạng số 24 /CT-VKS-VB ngày 19/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Quách Hữu V về tội *"Trộm cắp tài sản"* với tình tiết định khung *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Các bị cáo Nguyễn Văn T , Quách Hữu V đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc T hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng và tích cực thực hiện hành vi phạm tội vì vậy phải chịu trách nhiệm chính với vai trò là người chủ mưu, thực hành. Bị cáo Quách Hữu V chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là người thực hành.

Đối với hành vi các bị cáo đã trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblde, màu sơn đỏ-trắng-đen, BKS: 24V1 – 052.89 trị giá 25.200.000 đồng của anh Vũ Thế K thuộc T hợp phạm tội chưa đạt nên các bị cáo được áp dụng các quy định của pháp luật về phạm tội chưa đạt.

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, tại Bản án số: 10/2012/HSST ngày 12/03/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã xử phạt 14 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; Bản án số 58/2013/HSST ngày 31/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã xử phạt 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Tổng hợp hình phạt với bản án số: 10/2012/HSST ngày 12/03/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 06 năm 02 tháng tù. Đến ngày 21/9/2017 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương. Hiện đã được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng " Phạm tội từ 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo

V phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự " Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ra đầu thú . Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc các căn cứ quyết định hình phạt đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt hình phạt tù, cách ly các bị cáo Nguyễn Văn T, Quách Hữu V ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài, để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại trong vụ án là anh Nguyễn Văn D, anh Vũ Thế K đã được trả lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Trung N yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T trả số tiền 1.400.000 đồng tiền hát và 350.000 đồng tiền sửa khóa xe mô tô BKS 24B3-095.53. Bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý trả, nhưng bị cáo chưa có tiền đề nghị được trả sau, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh N là đúng pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 máy mài có thân vỏ màu xanh, trên thân có ghi chữ "BOSSH", máy cũ đã qua sử dụng, trên thân vỏ có nhiều vết mài xước. Thân máy được nối với 01 dây cắm điện màu đen. Đây là tài sản của bị cáo T, bị cáo dùng để chế tạo công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 vam phá khóa gồm: 01 ống bằng kim loại, màu bạc có chiều dài 19cm, đường kích ống 1,2cm và 01 thanh kim loại hình ngũ giác, dài 22cm, đường kính 1cm. Một đầu được được mài dẹt, một đầu được bẻ cong vuông góc với thân thanh kim loại. Đây là công cụ phương tiện, phạm tội không có giá trị nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7, màu đen, số Imei1: 352808092377480; Imei2: 352808092377488; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu bạc, số Imei 358563079409160, máy cũ đã qua sử dụng. Các bị cáo liên lạc rủ nhau thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan điều tra trả lại cho các chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nên không đề cập giải quyết gồm:

+ Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 2NDC, màu sơn xám, xanh, đen, BKS 24B3 – 095.53, 01 đăng ký xe số 24029043 mang tên Nguyễn Văn Đại. Trả lại cho người quản lý hợp pháp tài sản là anh Nguyễn Văn D.

+ Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn Trắng - Đen, BKS: 30X9 - 7691. Trả lại cho chủ sở hữu là bà Mã Thị N, sinh năm 1975, nơi ở hiện nay: Tổ dân phố số 1, thị trấn C, huyện M, H.

+ Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH125I, màu sơn Đen, BKS: 14X1 – 389.48. Trả lại cho chủ sở hữu là chị Nông Thị Kim P, sinh năm 1994, nơi ở hiện nay: Bản L, xã B, huyện B, tỉnh L.

+ Trả lại cho bị cáo T 01 căn cước công dân số 024086010402.

+Trả lại cho bị cáo Quách Hữu V 01 căn cước công dân số 0830810113271.

[6] Về tình tiết khác:

Đối với anh Hoàng Trung N: Quá trình điều tra xác định anh N không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô bị cáo T để lại làm tin là tài sản do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định pháp luật.

Đối với chị Nông Thị X: Quá trình điều tra xác định tại thời điểm bị cáo Nguyễn Văn T chuẩn bị công vụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, thời điểm bị cáo mang tài sản trộm cắp được về cất giấu, chị X không có mặt tại phòng trọ. Chị X không biết, không tham gia thực hiện hành vi phạm tội hoặc giúp sức, che giấu cho bị cáo Nguyễn Văn T. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T , Quách Hữu V phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 15; Điều 57 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 07/01/2023.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 15; Điều 57 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quách Hữu V 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 07/01/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả cho anh Hoàng Trung N số tiền 1.750.000đ *(một triệu bẩy trăm lăm mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) máy mài có thân vỏ màu xanh, trên thân có ghi chữ "BOSSH", máy cũ đã qua sử dụng, trên thân vỏ có nhiều vết mài xước. Thân máy được nối với 01 dây cắm điện màu đen. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7, màu đen, số Imei1: 352808092377480; Imei2:

352808092377488; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu bạc, số Imei 358563079409160, máy cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) vam phá khóa gồm: 01 ống bằng kim loại, màu bạc có chiều dài 19cm, đường kích ống 1,2cm và 01 thanh kim loại hình ngũ giác, dài 22cm, đường kính 1cm. Một đầu được được mài dẹt, một đầu được bẻ cong vuông góc với thân thanh kim loại.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Bàn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo Quách Hữu V phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo bán án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bán án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- Sở Tư pháp (01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(02); Bị hại(02);
- Người có QLNVLQ(01);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái